



Du thuyền trên sông Hậu

Nước trong khẩu ngữ DÂN GIÀN NAM BỘ

▲ NNC. NGUYỄN HỮU HIỆP

VÙNG ĐẤT THẤP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG CHẴNG CHỊT SÔNG TO RẠCH NHỎ, ĐÂU ĐÂU CŨNG NƯỚC LÀ NƯỚC! NGÀY TRƯỚC, NẾU Ở HẠ LƯU TIÊU BIỂU LÀ MIỆT RỪNG U MINH THƯỢNG, U MINH HẠ NƯỚC ĐONG QUANH NĂM, THÌ Ở THƯỢNG NGUỒN, NHẤT LÀ TẠI CÁC VÙNG TRỪNG ĐỒNG THÁP MƯỜI VÀ TƯ GIÁC LONG XUYỀN, VÀO MÙA NƯỚC NỔI, NƯỚC NGẬP LÊNH LÁNG HẦU KHẮP MẶT ĐẤT, ĐẾN MỨC NGƯỜI LƯU DÂN PHẢI CHỊU CẢNH "NỬA NĂM ĐI TRÊN MẶT NƯỚC"!

Do hầu hết cư dân địa phương đều chuyên về nông nghiệp nên cho dù sống nghề gì, trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt... đều gắn bó với nước. Ở đây, sông nước là môi trường sống chủ yếu không chỉ đối với con người mà cả đến thú vật và cỏ cây cũng không thể không cần đến nước (và ngược lại? – ta thường nghe câu nói vui "Tình quân dân như cá với nước" – cá mà thiếu nước thì cá chết; nước mà thiếu cá thì nước... buồn!).

Chính vì vậy, nước đối với người Nam Bộ là rất thiêng liêng. Tình cảm của họ đối với nước là mệnh mông, vô tận. Hay nói một cách khác, nước đã ngấm sâu vào tâm khảm của họ, và tất nhiên đã được "xã hội hóa" qua khẩu ngữ sau đây:

1. Liên quan đến những hiện tượng tự nhiên hoặc có sự can thiệp của con người cùng là

những trạng thái biến đổi của sông, nước

Mấy sông cũng lội mấy dò cũng qua (không quán ngại gian nan, cách trở); Ba chìm bảy nổi chín lênh đênh (cuộc đời quá vất vả); Ăn như xáng mức làm như lục bình trôi (ăn nhiều, hao cơm hao gạo mà làm biếng nhớt thây); Sóng gió (cuộc họp ngày mai thế nào cũng sóng gió – tranh cãi dữ dội); Ăn đàng sóng nói đàng gió (ăn nói ngược ngao – có nói không, không nói có để giành phần lợi cho mình); Đất bằng sóng dậy (đang yên tĩnh bỗng có việc dữ hay rắc rối xảy ra); Bèo giạt hoa trôi (thân gái lênh đênh); Láng (hết sạch – đánh bài thua láng túi)...

Trai tử chiếng gái giang hồ (nguyên của giang hồ là sông hồ, chỉ người sống nay đây mai đó một cách tự do, phóng túng, kiểu "giang hồ hiệp khách". Sau hiểu là những

người sống nghề mua bán trên sông nước, kiểu “gạo chợ nước sông”. Nói gái giang hồ là có ý ca ngợi người phụ nữ đảm đang, chẳng những chu đáo việc trong nhà mà còn là người thường đi đây đi đó mua bán kiếm tiền nuôi sống gia đình, tức thuộc hạng giỏi giang, kiểu “nuôi đủ năm con với một chồng”. Nhưng dần về sau do bị mạo/ lạm dụng của hạng người sống bằng “vốn tự có”, đồng thời do đặc điểm hành nghề thường hay dịch chuyển, nên người ta hiểu giang hồ là bọn xấu, “gái giang hồ” là gái làm tiền!).

Phận gái mười hai bến nước trong nhờ đục chịu (Mười hai bến

trong, hoặc mắc bến đục, hoặc đưa người tốt hoặc đưa người xấu may thì nhờ, rủi thì chịu. Tiếng nói mười hai bến là nói cho vắn”. Theo tôi, gán con số 12 vào câu nói này là để nhằm ám chỉ 12 con giáp, ý muốn nói về tuổi. Thân gái lấy chồng thì chỉ có 2 đường là may và rủi mà thôi! Cha mẹ gả nhầm người hạp tuổi với mình thì tốt, trái lại thì phải đành chịu – (trong hôn nhân, người xưa phải “coi tuổi”, tuy nhiên cũng có không ít trường hợp “không được tuổi”, kiểu “sát chủ” hoặc “tứ hành xung”... nhưng do hoàn cảnh đặc biệt nào đó, tham giàu chẳng hạn, do “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó” nên có khi phải

Tới bến! (hay Việc gì cũng phải làm cho tới bến); Đi sông; Đi cầu (đi “toa lét”); Nước (nước cờ; chạy nước rút; ngựa đi nước kiệu...); Vô nước; Cho nước (khen, kích động cho người ta sung lên); Được nước (lùng thêm); Có nước... (chỉ có cách...); Nước lên (một ly rượu hai người chia uống mà người uống trước để lại nhiều hơn 50%); Lên nước (vật dụng thể rắn xài lâu ngày bóng loáng); Xuống nước (bị thất thế hơn nên đành chịu hẹp); Đuối (quá mòn mỏi, cơ thể bủn rủn); Hụt hơi (trông đợi quá mức); Thả trôi; Thả nổi (bỏ phế, không chú tâm tới); Bỏ trôi (không xử lý rốt ráo vấn đề); Linh phình; Lặn hụp; Bươn chải (chải là bơi); Quay; Quay đục nước; Đục nước béo cò (nước càng đục, cò càng dễ bắt cá ăn, nên béo mập); Khơi (liều, không chắc đúng – kiểu ra khơi); Khơi khơi (làm/ nói thí thí); Dòng (dòng chảy văn học, “dòng đồ không biết điều”); Tươi (chửi tươi giọt sen – nhưng thường nói là “chửi tươi hột sen”); Dội (mắng chửi phủ xuống); Kinh/ Kênh (tuyến, đường – kinh/ kênh truyền hình); cù lao (cái lều dựng loại thức ăn có nước, luôn để lửa cho nóng)...

2. Liên quan đến các loài thủy sinh, thủy tộc và sự biểu hiện của nó, hoặc trong hành vi đánh bắt

Dính; Tôm (đã bắt được); Dem câu sấu cho rồi (tiếng mắng những người bị cho là vô dụng, đồ bỏ đi); Sặc rần (có vắn có vện khác thường – như mình con cá sặc rần; tóc hớt sặc rần); Tép lặn tép lội (lãng xãng, lóc chóc); Tép rong tép rêu (loại hèn kém, không đáng kể); Bắn lúi như tôm (không tiến bộ, thậm chí lạc hậu); Ngâm tôm (không chịu giải quyết); Cho đi mò tôm (dem thủ tiêu bằng cách trối lại, cột đá nặng vào người rồi quăng xuống sông); Bắt cá hai tay (tham lam,



Tắm sông

nước thường được cho là mười hai con giáp, tức là thập nhị địa chi, hoặc là: công, hầu, khanh, tướng, sĩ, nông, công, thương, ngư, tiều, canh, mục (hoặc nho, y, lý, số, bốc). Đây thực ra chỉ là suy diễn để tìm đủ thành phần sao cho khớp với con số 12 mà thôi. Lời giảng của Huỳnh Tịnh Paulus Của trong Đại Nam quốc âm tự vị: “Thân con gái như chiếc đò, hoặc gặp bến

chịu khổ cả đời – không hạnh phúc); Thác trong hơn sông đục; Gạn đục khơi trong; Sông có khúc người có lúc (kiểu “Hết cơn bĩ cực tới hồi thái lai”); Có giang (đi nhờ phương tiện thủy của người khác. Đặc biệt trên đường bộ, đi nhờ xe người khác cũng nói thế!); Đi rong rồi hay đi hà rong hà rồi (hà là sông; rong là nước lớn đây – nước ròng; rồi là cá – lái rồi, ghe rồi);



Mua bán tấp nập trên sông

muốn được nhiều việc cùng một lúc nhưng rốt lại không được gì hết vì ngoài khả năng); *Vuốt đuôi lươn* (nói theo người khác, xu hướng, không lập trường); *Râu ngạnh tre* (kiểu râu biếu thị người xạo, làm phách); *Râu cá chốt* (kiểu râu biếu thị người nịnh); *Cá chốt rửa* (lai quần áo cũ qua, bị tưa sồn); *Câu* (trạng thái phải chờ đợi – câu giờ; tìm mọi cách lôi kéo người khác nghe/ làm theo mình); *Dớp* (ăn của dút); *Ghịch* (kéo lôi – “Mỗi mẩu nhậu rượu để mồi ghịch”); *Hết sẩy* (không thể thoát được); *Rĩa* (trạng thái quá cũ kỹ, tưa sồn – “Cái cổ áo cá chốt rĩa”); *Phá mồi* (chỉ biết cầm cổ ăn mồi chứ không chịu uống rượu như những người ngồi nhậu cùng bàn – vô cùng mất lịch sự!); *Rộng* (nhốt, giữ – như rộng cá trong hồ, chờ xử lý); *Đi rong vát* (đi khắp chỗ – rong là loài thủy sinh, sống trôi trong nước); *Có nước có cá* (kiểu “lúa thóc tới đâu bồ câu tới đó”); *Cá cuộc* hay *Cá cược*; *Bắt cá* (mỗi người một lý, hứa nhau có tính ăn thua, thường được biếu thị bằng cách đưa ra mỗi người một ngón trở hay ngón út, ngoéo nhau, sau đó kết quả đúng theo lý của

người nào thì người đó thắng); *Mộng đuôi cá* (thuật ngữ của thợ mộc, dùng chỉ nơi liên kết giữa hai thanh gỗ, được làm như đuôi con cá, khá công phu, nên khi tra đầu cây vào lỗ mộng rất khít sát, khéo léo, không cần khóa đinh, lại chắc cứng hơn cách làm mộng thông thường)...

3. Liên quan đến những phương tiện thủy và sự điều khiển nó

Giả dờ (làm bộ không nghe biết, như khách cứ kêu dờ ời ới mà dờ vẫn mãi dậu bờ bên kia, không chịu sang rước khách; “*Giả dờ mua khế bán chanh, Giả đi đòi nợ thăm anh đỡ buồn*”; *Kéo bè kéo cánh* (ra sức lôi kéo người khác theo phe mình để gây thanh thế, củng cố địa vị hoặc làm áp lực khống chế đối phương, hoặc để nhằm mục đích “lợi ích nhóm”); *Ghe chài chở trấu* (sức lớn mà làm việc quá nhỏ, quá xoàng); *Thuận buồm xuôi gió* (công việc suôn sẻ, tốt đẹp); *Xuôi chèo mát mái* (tiến hành thuận lợi, như ý); *Bạn cột chèo* (anh em bạn rể); *Nó chèo mũi tui chèo lái* (giới thiệu vị thứ trong gia đình bên vợ giữa hai anh em bạn rể – rể nhỏ chèo

mũi, rể lớn chèo lái); *Mũi đại lái chịu đòn* (phải liên đới chịu trách nhiệm nếu kẻ dưới quyền làm điều sai trật); *Đứng mũi chịu sào* (người được giao trọng trách phải sẵn sàng đương đầu mọi khó khăn); *Lái* (đang nói chuyện này cố ý bẻ sang chuyện khác); *Buông tay giảm cầm tay lái*; *Buông giảm cầm chèo* (người lẹ làng, giỏi giang); *Đi bơi* (đi nhanh, hai tay đánh dòng xa hơi bung ra); *Neo* (giữ lại)...

Trên đây là những tiếng hình tượng hoặc ẩn dụ rất quen thuộc trong dân gian mỗi khi trò chuyện, giao tiếp, chứng tỏ “nước” (cũng là những gì liên quan đến môi trường nước) đã ăn sâu vào tiềm thức dân gian, nó gắn bó, hòa quyện rất nhuần nhuyễn trong xử thế tiếp vật đối với con người. Đây cũng là một trong những yếu tố cốt lõi hình thành nhân cách sống đặc trưng Nam Bộ, đồng thời cũng là hình thái văn hóa thúc đẩy cuộc sống phát triển một vùng đất, chỉ mới mấy trăm năm mà đã theo kịp mấy ngàn năm.

N.H.H.